

Khu mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) ra đời hướng vào các mục đích sau:

(1). Mở rộng và tăng cường buôn bán giữa các nước ASEAN

(2). Thúc đẩy hợp tác đầu tư trong nội bộ khu vực và thu hút đầu tư nước ngoài vào ASEAN.

(3). Xây dựng ASEAN thành một khu vực sản xuất có sức sản xuất có sức cạnh tranh mạnh hướng vào thị trường toàn cầu.

Để thực hiện AFTA, năm 1992 các nước ASEAN đã ký kết thực hiện Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT). Mục tiêu của CEPT là giảm thuế quan trong thương mại nội bộ ASEAN xuống 0 - 5%; đồng thời loại bỏ tất cả các hạn chế về định lượng và hàng rào phi thuế quan khác.

Giữa thập niên 90, VN tham gia ASEAN và CEPT trong một bối cảnh: trình độ phát triển thấp xa so với các nước trong khu vực, hầu hết các ngành kinh tế còn non yếu, sức cạnh tranh chưa mạnh, bên cạnh đó thuế nhập khẩu còn là một trong những nguồn thu quan trọng của Chính phủ. Do vậy khi tham gia AFTA, VN cần phải đạt được các mục tiêu sau:

(1). Không gây ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách.

(2). Kéo dài đến mức có thể sự bảo hộ hợp lý đối với sản xuất trong nước để các ngành sản xuất có thêm thời gian chuẩn bị đối phó với những thách thức của AFTA.

(3). Tạo điều kiện khuyến khích chuyển giao công nghệ, đổi mới kỹ thuật, nhằm thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

(4). Tranh thủ ưu đãi để mở rộng thị trường cho xuất khẩu và thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Căn cứ vào bối cảnh, mục tiêu cần đạt được và những quy định của CEPT, VN đã xây dựng lịch trình cắt giảm thuế theo từng loại danh mục và các kênh giảm thuế như sau:

1. Danh mục 1: danh mục loại trừ hoàn toàn được xây dựng phù hợp với điểm 9 của hiệp định CEPT. Danh mục này bao gồm các mặt hàng có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, văn hóa, lịch sử, sức khỏe, và những mặt hàng chúng ta kém lợi thế phải nhập khẩu nhiều từ các nước ASEAN như: vũ khí, chất nổ, ô tô chở khách từ 15 chỗ ngồi trở xuống v.v...Danh mục này VN đưa ra 146 mặt hàng.

2. Danh mục 2: danh mục loại trừ tạm thời được xây dựng căn cứ vào quy định của CEPT và kế hoạch phát triển đến năm 2010 của các ngành kinh tế ở nước ta. Danh mục loại trừ tạm thời phải bảo đảm không ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách và bảo hộ một số ngành sản xuất trong

nước có tiềm năng phát triển. Danh mục này của VN có 1.189 mặt hàng. Nó bao gồm các mặt hàng có thuế suất trên 20% và những mặt hàng có thuế suất dưới 20% nhưng trước mắt cần bảo hộ bằng thuế quan và phi thuế quan. Từ ngày 1.1.1999 đến 1.1.2003 mỗi năm chúng ta chuyển 20% trong tổng số mặt hàng loại này sang danh mục cắt giảm thuế.

3. Danh mục 3: danh mục các mặt hàng nông sản chưa qua chế biến nhạy cảm; chúng ta xây dựng dựa trên kinh nghiệm của các nước ASEAN và căn cứ vào yêu cầu bảo hộ cao của sản xuất trong nước. Danh mục này gồm có 50 mặt hàng như: thịt, trứng, sữa, gạo v.v...

4. Danh mục 4: danh mục cắt giảm thuế; tháng 10.1995, tức là sau 3 tháng chúng ta gia nhập ASEAN; VN đã công bố chính thức danh mục giảm thuế nhập khẩu 1.633 mặt hàng cho thời kỳ 1996 - 2000. Danh mục cắt giảm thuế quan ngay của VN chủ yếu bao gồm những mặt hàng đang có thuế suất dưới 20% và một số mặt hàng có thuế suất cao nhưng chúng ta đang có lợi thế so sánh.

Trong 2 năm 1996 - 1997, để đảm bảo nguồn thu ngân sách, VN không thực hiện cắt giảm thuế mà chỉ thực hiện Hiệp định CEPT. Bởi vì chúng ta chỉ đưa vào danh mục này 857 mặt hàng đã nằm trong khung thuế 0 - 5%, khung thuế mà CEPT quy định. Các mặt hàng có thuế suất trên 5% chúng ta chỉ có thể tham gia cắt

AFTA VÀ SỰ HỘI NHẬP CỦA VIỆT NAM

TS. NGUYỄN PHÚ TỰ



giảm thuế đầu tiên vào năm 1998.

Nghị định số 15 - 1998/NĐ - CP ngày 12.3.1998 của Chính phủ ban hành danh mục hàng hóa và thuế suất của VN để thực hiện CEPT cho năm 1998 là 2.018 mặt hàng. Tức là chúng ta đã đưa thêm vào danh mục cắt giảm thuế: 1.161 mặt hàng.

Nghị định số 14 - 1999/NĐ - CP ngày 23.3.1999 của Chính phủ ban hành danh mục hàng hóa và thuế suất của VN để thực hiện CEPT cho năm 1999 là 4.493 mặt hàng. So với năm 1998 chúng ta đã đưa thêm vào danh mục cắt giảm thuế 2.475 mặt hàng. Đặc biệt Nghị định số 14/1999 so với Nghị định số 15 - 1998 có những nhóm hàng mới như sau:

1. Mã số HS01: động vật sống: 25 mặt hàng
2. Mã số HS06: cây sống và các loại cây trồng khác, củ rễ: 3 mặt hàng
3. Mã số HS23: phế thải, phế liệu từ ngành lương thực: 32 mặt hàng
4. Mã số HS29: hóa chất hữu cơ: 39 mặt hàng
5. Mã số HS30: dược phẩm: 80 mặt hàng
6. Mã số HS31: phân bón: 3 mặt hàng
7. Mã số HS66: ô, dù che, ba toong, gậy chống: 4 mặt hàng

Hội nghị Bộ trưởng kinh tế lần thứ 31 và Hội đồng AFTA lần thứ 13 diễn ra từ ngày 29.9 đến ngày 2.10.1999 tại Singapore với chủ đề chính: đẩy nhanh quá trình thực hiện AFTA, tiến tới loại bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan trong ASEAN; thỏa thuận công nhận lẫn nhau về các tiêu chuẩn kỹ thuật để tạo điều kiện trong thương mại của ASEAN. Tại Hội nghị các thành viên đã thống nhất:

(1). Mỗi thành viên rà soát danh mục loại trừ hoàn toàn của mình theo hướng: chuyển một số lượng đáng kể mặt hàng từ danh mục loại trừ hoàn toàn sang diện cắt giảm thuế. VN đã tuyên bố chuyển 23 mặt hàng từ danh mục loại trừ hoàn toàn sang danh mục cắt giảm thuế.

(2). Mục tiêu cắt giảm thuế của dòng thuế trong danh mục cắt giảm thuế là 0 - 5% theo quy định trước đây của CEPT được thay thế bằng mục tiêu giảm thuế suất xuống 0% để đạt được ASEAN là khu mậu dịch tự do hoàn toàn. Đối với VN hội nghị khuyến khích tối đa hóa dòng thuế có thuế suất 0 - 5% vào năm 2003.

(3). Các Bộ trưởng kinh tế đã ký "Nghị định thư về thỏa thuận đặc biệt đối với sản phẩm nhạy cảm cao". Nội dung chính của Nghị định này là: Các mặt hàng nông sản chưa chế biến thuộc diện nhạy cảm sẽ đưa vào diện cắt giảm thuế năm 2001. (Đối với VN là năm 2004) và đạt mức thuế suất chỉ

còn 0 - 5% vào năm 2010 (đối với VN là năm 2013). Năm 2010 cũng là năm các nước ASEAN thống nhất loại bỏ hoàn toàn hàng rào phi thuế quan. Đối với mặt hàng nhạy cảm cao (chủ yếu là gạo nhập khẩu vào Malaysia, Philippines và Indonesia) được linh hoạt hơn nhưng thuế suất không quá 20%.

Qua gần 3 năm thực hiện cắt giảm thuế theo CEPT, nhìn chung các doanh nghiệp VN chưa nhận thức được hết khó khăn thách thức, tính cạnh tranh gay gắt của việc mở cửa thị trường hội nhập vào kinh tế khu vực. Do vậy họ chưa có những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với lịch trình giảm thuế nhập khẩu với ASEAN mà vẫn tiếp tục đầu tư và kinh doanh theo phương thức cũ, thậm chí nhiều doanh nghiệp còn kiến nghị chính phủ tiếp tục bảo hộ như trước đây.

Thách thức về lộ trình giảm thuế và phi thuế quan khi VN thực hiện CEPT có những điểm chú ý sau:

1. Tiến trình cắt giảm thuế của chúng ta chỉ bắt đầu vào năm 1998, do vậy vấn đề thời gian là vấn đề khẩn thiết. Nếu chúng ta thực hiện tiến trình giảm thuế chậm chạp như hiện nay thì những năm sau phải tiến hành nhanh hơn. Điều này rất có thể dẫn đến sự đột biến về nhập khẩu và tăng sức ép cạnh tranh, gây khó khăn lớn cho các doanh nghiệp trong nước.

2. Danh mục loại trừ hoàn toàn còn chưa đáp ứng yêu cầu của CEPT; vì chúng ta vẫn còn dùng việc miễn trừ hoàn toàn để bảo hộ hoặc duy trì nguồn thu. Trong danh mục loại trừ hoàn toàn VN còn xếp những mặt hàng là nhiên liệu, thiết bị truyền thông, ô tô dưới 16 chỗ ngồi, hàng thanh lý và hàng tiêu dùng đã qua sử dụng với mục tiêu là tạo nguồn thu ngân sách và bảo hộ có chọn lọc. Điều này chưa phù hợp với quy định của WTO.

3. Đối với hàng rào phi thuế quan (NTBs); từ trước đến nay chúng ta chỉ mới dùng các biện pháp đơn giản là giấy phép hay hạn ngạch mà chưa áp dụng các biện pháp khác nhất là những biện pháp về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng và môi trường. Do vậy khi thực hiện CEPT chúng ta phải loại bỏ biện pháp hạn ngạch nhưng lại chưa có biện pháp khác thay thế thì sẽ gây nhiều khó khăn để đảm bảo những mục tiêu mà chúng ta đã đề ra.

Để đảm bảo lộ trình tham gia AFTA (CEPT), nhiệm vụ hết sức cấp bách của VN là phải xác định, điều chỉnh cơ cấu đầu tư của các ngành trong quá trình hội nhập. Lịch trình giảm thuế cụ thể cho các mặt hàng theo CEPT phải được xây dựng trên cơ sở phân chia các ngành sản xuất

theo 3 nhóm chính:

1. Nhóm 1: nhóm mặt hàng có năng lực cạnh tranh, có thể mạnh xuất khẩu là các ngành có lợi thế so sánh. Lịch trình giảm thuế cho các ngành hàng này được đưa vào thực hiện sớm nhất. Bởi vì việc thực hiện cắt giảm thuế sẽ không có những ảnh hưởng đáng kể đến thu ngân sách, khả năng sản xuất trong nước, đồng thời chúng ta sớm tận dụng được sự ưu đãi của các nước thành viên khác.

2. Nhóm 2: nhóm ngành hàng có khả năng cạnh tranh với hàng nhập khẩu trong tương lai. Đây là những ngành hàng hiện có nhiều khó khăn trong cạnh tranh với hàng nhập khẩu, nhưng trong tương lai có thể có khả năng cạnh tranh nếu chúng ta có hướng đầu tư đúng đắn ngay từ bây giờ. Đối với nhóm ngành hàng này lịch trình giảm thuế có thể tiến hành chậm hơn để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước phát triển, đủ sức cạnh tranh với hàng nhập khẩu từ các nước ASEAN.

3. Nhóm 3: nhóm ngành hàng có khả năng cạnh tranh kém là những ngành hàng sản xuất cần lượng vốn đầu tư lớn công nghệ hiện đại - những yếu tố mà chúng ta bị hạn chế. Lịch trình giảm thuế đối với nhóm ngành hàng này sẽ chậm nhất, tuy nhiên chúng ta cần phải có những giải pháp về định hướng đầu tư và được xúc tiến sớm để doanh nghiệp tránh được tình trạng quá khó khăn nhất, chính phủ cắt giảm thuế quan và xóa bỏ hàng rào phi thuế quan.

Đối với doanh nghiệp yếu tố quyết định là chủ động, sáng tạo, vươn mạnh ra thị trường nước ngoài. Doanh nghiệp cần phải tạo ra một sức đề kháng cao trong cạnh tranh với hàng nhập khẩu, tránh tuột tay lại mà phải chuyển động thực sự mạnh mẽ, sẵn sàng cho cuộc cạnh tranh sắp tới thông qua đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh; đáp ứng những yêu cầu về quản lý, chất lượng, môi trường với giá cả hợp lý. Có như vậy sự hội nhập của VN vào ASEAN và AFTA mới thực sự đáp ứng được mục tiêu đề ra và đạt hiệu quả cao ■

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị định số 15 - 1998/CD - CP ngày 13.3.1998 của Chính phủ về ban hành danh mục hàng hóa của VN để thực hiện Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN cho năm 1998.
2. Nghị định số 14 - 1999/CD - CP ngày 23.3.1999 của Chính phủ về ban hành danh mục hàng hóa của VN để thực hiện Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN cho năm 1999.